TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HSST
Ngày: 01/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ HẠNH VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc.

Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký P toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tham gia P toà: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 22/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HS ngày 22/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn H, sinh năm: 1961 và bà: Lò Thị K, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ: Lò Thị X, sinh năm:1998 và 02 con lớn 8 tuổi nhỏ 3 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

2. Cà Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982 tại xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn X(đã chết) và bà: Quàng Thị L, sinh năm: 1957; Bị cáo có vợ: Lò Thị L, sinh năm:1980 và 03 con lớn N1 22 tuổi nhỏ N1 4 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

3. Quàng Văn P; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1977 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn L(đã chết) và bà: Lò Thị L,

sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ: Lò Thị P, sinh năm:1977 và 02 con lớn 30 tuổi nhỏ 27 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

4. Cà Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1984 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kháng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn P, sinh năm: 1962 và bà: Cà Thị H (đã chết); Bị cáo có vợ: Lò Thị T, sinh năm:1986 và 04 con lớn N1 19 tuổi nhỏ N1 6 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

5. Lường Văn C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn K (đã chết) và bà: Lường Thị N, sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ: Quàng Thị C, sinh năm:1993 và 02 con lớn 14 tuổi nhỏ 5 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

6. Quàng Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn H, sinh năm: 1961 và bà: Lò Thị K, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ: Lường Thị D, sinh năm:1995 và 02 con lớn 11 tuổi nhỏ 9 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

7. Quàng Văn T1; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1980 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn O, sinh năm: 1951 và bà: Quàng Thị T, sinh năm: 1953; Bị cáo có vợ: Quàng Thị C, sinh năm:1983 và 03 con lớn N1 23 tuổi nhỏ N1 18 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

8. Lường Văn C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1983 tại xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là Đảng viên, Đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ bản C, xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Hiện đã bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 12/12/2023; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn H, sinh năm: 1957 và bà: Lường Thị

P, sinh năm: 1963; Bị cáo có vợ: Lò Thị A, sinh năm:1988 và 02 con lớn 14 tuổi nhỏ 3 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

9. Lò Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1986 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn Panh (đã chết) và bà: Quàng Thị Lanh (đã chết); Bị cáo có vợ: Cà Thị Diên, sinh năm:1983 và 02 con lớn 19 tuổi nhỏ N1 15 tuổi; Tiền án: Ngày 16/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt tiền 20.000.000 đồng về tội Đánh bạc, đến ngày 08/12/2023 bị cáo mới thi hành xong; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích).Năm 2018 bị Công an huyện Thuận Châu xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc (Đã hết thời hạn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***: Anh **Lò Văn H**; Sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 27/11/2023 tổ công tác Công an huyện Thuận Châu làm nhiệm vụ tại khu vực bản H , xã C, huyện Thuận Châu phát hiện bắt quả tang 15 đối tượng gồm: Cà Văn H, Quàng Văn T, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn N, Quàng Văn T1, Lường Văn C và Lò Văn T, Quàng Văn P, Lường Văn C1, Quàng Văn T, Quàng Văn N1, Quàng Văn Scó hành vi Đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng cá cược, sát phạt nhau thắng thua bằng tiền tại nhà ở của Lò Văn H trú tại: bản H, xã C, huyện Thuận Châu. Trong đó đó chiếu bạc thứ nhất bao gồm 08 người gồm: Cà Văn H, Quàng Văn T, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn N, Quàng Văn T1, Lường Văn C và Lò Văn T. Chiếu bạc thứ hai bao gồm 05 người: Quàng Văn P, Lường Văn C1, Quàng Văn T, Quàng Văn N1, Quàng Văn S.

* Vật chứng thu giữ gồm:

1. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 120.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Quàng Văn N.

2. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 400.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên trái của Quàng Văn N.

3. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 280.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Lường Văn C.

4. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 150.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên phải của Lường Văn C.

5. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 170.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Cà Văn H.

6. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 10.000 đồng tạm giữ trong túi áo phía trong bên trái của Cà Văn H.

7. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 2.150.000 đồng tạm giữ trong túi áo khoác phía trong bên trái của Lường Văn C.

8. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 250.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Cà Văn H.

9. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 100.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên trái của Cà Văn H.

10. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 500.000 đồng tạm giữ dưới đệm ngủ gần vị trí của Quàng Văn T.

11. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.900.000 đồng tạm giữ tại vị trí dưới gầm giường ngủ gần với vị trí ngồi của Quàng Văn T.

12. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 460.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên phải của Quàng Văn T.

13. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 20.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Quàng Văn P.

14. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 160.000 đồng tại giữ trong túi quần phía sau bên phải của Quàng Văn P.

15. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 40.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Lường Văn C1.

16. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 220.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía sau bên phải của Lường Văn C1.

17. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 20.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Quàng Văn N1.

18. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 50.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía sau bên trái của Quàng Văn N1.

19. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 100.000 đồng tạm giữ trong túi áo khoác khoác phía trước bên phải của Quàng Văn N1.

20. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 10.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Lò Văn X.

21. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 120.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên phải của Lò Văn X.

22. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 20.000 đồng tạm giữ tại vị trí trước mặt của Quàng Văn S.

23. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 100.000 đồng tạm giữ trong túi quần phía trước bên trái của Quàng Văn S.

24. Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí chiếu bạc thứ nhất đã qua sử dụng cũ.

25. Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí chiếu bạc thứ hai đã qua sử dụng cũ.

26. Một chiếc chiếu nhựa màu đỏ, đen, vàng kích thước 4,05 x 1,8m đã qua sử dụng cũ.

Ngày 27/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 335/QĐTC ngày 27/11/2023 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền: 7.350.000 đồng thu giữ của Quàng Văn N, Lường Văn C, Cà Văn H, Lường Văn C, Cà Văn H, Quàng Văn T, Quàng Văn T, Quàng Văn P, Lường Văn C1, Quàng Văn N1, Lò Văn X, Quàng Văn S vào ngày 27/11/2023.

Tại Kết luận giám định số: 2568 ngày 30/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 7.350.000 VNĐ gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại đối tượng giám định: T bộ số tiền gửi giám định.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu Quàng Văn T, Cà Văn H, Quàng Văn P, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn N, Quàng Văn T1, Lường Văn C, Lò Văn T đã khai nhận như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 26/11/2023 Lò Văn T, Cà Văn H, Quàng Văn T đến nhà của anh Lò Văn H trú tại: bản H, xã C, huyện Thuận Châu để giúp đám cưới. Khi đến đây cả ba người cùng ngồi uống nước, nói chuyện lúc này T có rủ T2 và H đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng cá cược thắng thua bằng tiền với tỷ lệ cá cược góp gà 10.000 đồng/ 01 người/01 ván. Tố tối thiểu 10.000 đồng, tối đa là 30.000 đồng, thì được T2 và H đồng ý. Sau đó T2 lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài có sẵn ở góc nhà anh Hoàng cầm ra ngồi xuống chiếu nhựa đã được dải sẵn trên sàn, trước cửa chính nhà anh Hoàng rồi chia bài với hình thức chơi cụ thể như sau:

Trước khi chia bài thì mỗi người chơi đều bỏ ra số tiền: 10.000 đồng đặt xuống chiếu bạc để góp tiền làng - Tiền cá cược *(Góp gà)*, sau đó mỗi người được chia 03 quân bài, sau khi mọi người kiểm tra bài thì người chia bài nếu xét thấy bài của mình có thể thắng những người còn lại thì sẽ là người đầu tiên đưa ra mức cá cược *(Tố)* với mức thấp nhấp là 10.000 đồng, cao N1 là 30.000 đồng và bỏ số tiền mà mình cá cược xuống chiếu bạc, người tiếp theo được tham gia cá cược là người ngồi bên tay phải theo thứ tự ngồi của người chia bài (*Ngược chiều kim đồng hồ*), nếu thấy bài của mình yếu thì có thể úp bài và chịu thua mất số tiền mình đã góp làng và đã cá cược, nếu xét thấy bài mình mạnh thì tham gia cá cược và đặt tiền cá cược xuống chiếu bạc, số tiền cá cược không được ít hơn

mà phải bằng hoặc cao hơn số tiền người đã cá cược trước đó và không giới hạn số lần cá cược (*Lần tố)* trong một ván. Khi chỉ còn 02 người tham gia cá cược hoặc khi mọi người cùng thống N1 mở bài thì mọi người sẽ so bài với nhau để tìm người duy N1 thắng cuộc theo thứ tự từ lớn đến thấp cụ thể là: Sáp, Liêng, Ảnh, Điểm. Trong đó: Sáp là có 3 quân bài giống nhau thấp N1 là 222, cao N1 là AAA; Liêng là có 3 quân bài thứ tự liền kề nhau, thấp N1 là A23, cao N1 là QKA; Ảnh là có 3 quân bài từ J đến K trong đó có 01 quân bài không trùng với 2 quân bài còn lại, thấp N1 là JJQ, cao N1 là KKQ; Điểm là thấp N1 sẽ cộng điểm của 3 quân bài lại (*Không cộng tính điểm quân bài từ 10 đến K)* theo thang điểm 9, ai cao điểm hơn là người thắng cuộc. Người thắng cuộc sẽ được hưởng T bộ số tiền mà những người còn lại đã góp tiền làng và đã cá cược bỏ xuống chiếu bạc, mỗi ván chơi người chơi có thể cá cược *(Tố)* hoặc không cá cược, nếu có 02 người trở lên có sáp, liêng, ảnh hoặc điểm bằng nhau thì sẽ so bài sáp, liêng, ảnh, điểm ai cao N1 sẽ thắng, nếu điểm bằng nhau thì sẽ so chất từ lớn đến bé là theo thứ tự là: Rô, Cơ, Nhép, Bích.

Cả ba người T, H, T2 đánh bạc đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì có Quàng Văn T1, Lường Văn C, Quàng Văn N, Quàng Văn P, Lường Văn C, Cà Văn H cũng đến nhà anh Hoàng để giúp đám cưới và ngồi tham gia đánh bạc cùng mọi người. Khi cả 09 người đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì có Lường Văn C1 và Quàng Văn T đến và muốn tham gia đánh bạc cùng mọi người. Do đông người nên Lò Văn T có nói với Quàng Văn P (*Đã đánh bạc được khoảng 3- 4 ván*) là cùng C1 và T2 ra ngồi chiếu riêng để đánh bạc, cả ba người đồng ý rồi C1 lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài có sẵn trên bàn uống nước cầm sang ngồi cạnh chiếu bạc của nhóm T2 và sát kệ tivi nhà anh Hoàng rồi chia bài cho P và T2 đặt tiền cá cược đánh Liêng sát phạt nhau bằng tiền với tỷ lệ cá cược như ban đầu *(Như chiếu bạc thứ N1).* Còn lại 08 người tại chiếu bạc của T2 vẫn tiếp tục đánh bạc. Khi nhóm của C1 đang đánh bạc thì có Quàng Văn N1, Quàng Văn S, Quàng Văn Chấn, Lò Văn X đến và tham gia đánh bạc cùng chiếu bạc của Lường Văn C1. Khi chiếu bạc thứ N1 (*Chiếu bạc của Lò Văn T)* chơi đến khoảng 00 giờ 20 phút ngày 27/11/2023 thì Lường Văn C nghỉ và ngồi xem mọi người đánh bạc ở chiếu của T2. Cả hai chiếu chơi đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/11/2023 thì bị Tổ công tác Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng như đã nêu trên. Sau đó các đối tượng cùng vật chứng đã được dẫn giải lên Công an huyện Thuận Châu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền mà chiếu bạc thứ N1 gồm: Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P, sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 6.140.000 đồng, trong đó số tiền từng người sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền thắng, thua bạc tại thời điểm bị bắt giữ cụ thể như sau:

- Lò Văn T có 200.000 đồng, T2 sử dụng T bộ số tiền: 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ T2 đang thua bạc số tiền 200.000 đồng nên khi bị bắt giữ không thu được tiền của T2.

- Cà Văn H có 300.000 đồng, H sử dụng T bộ số tiền: 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ H đang thắng bạc số tiền 50.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của H tổng số tiền là: 350.000 đồng.

- Cà Văn H có 250.000 đồng, H sử dụng T bộ số tiền: 250.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ H đang thua bạc số tiền 70.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của H số tiền: 180.000 đồng.

- Lường Văn C có 300.000 đồng, C sử dụng T bộ số tiền: 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ C đang thắng bạc số tiền 130.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của C số tiền 430.000 đồng.

- Quàng Văn T có 1.400.000 đồng, T sử dụng T bộ số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ T đang thắng bạc số tiền 1.000.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của T số tiền 2.400.000 đồng.

- Quàng Văn T1 có 80.000 đồng, T1 sử dụng T bộ số tiền: 80.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ T1 đang thua bạc số tiền 80.000 đồng nên khi bị bắt giữ không thu được tiền của T1.

- Quàng Văn N có 550.000 đồng, N sử dụng T bộ số tiền: 550.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ N đang thua bạc số tiền 30.000 đồng nên khi bị bắt thu giữ của N số tiền 520.000 đồng.

- Lường Văn C có 2.920.000 đồng. Trung sử dụng T bộ số tiền: 2.920.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Trung đang thua bạc số tiền 770.000 đồng nên khi bị bắt thu giữ của C số tiền 2.150.000 đồng.

- Quàng Văn P có 140.000 đồng, P sử dụng T bộ số tiền: 140.000 đồng để đánh bạc. Tại chiếu bạc thứ N1 P đang thua bạc số tiền 30.000 đồng. Quàng Văn P mang từ chiếu bạc thứ N1 110.000 đồng, P sử dụng T bộ số tiền 110.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ P đang thắng bạc số tiền 70.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của P 180.000 đồng.

Tại chiếu bạc thứ hai gồm: Quàng Văn S, Lò Văn X, Quàng Văn N1, Lường Văn C1, Quàng Văn P, Quàng Văn T và Quàng Văn Chấn xác định được tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 1.320.000 đồng, trong đó số tiền từng người sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền thắng, thua bạc tại thời điểm bị bắt giữ cụ thể như sau:

- Quàng Văn S có 100.000 đồng. Ssử dụng T bộ số tiền: 100.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ S đang thắng bạc số tiền 20.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của S120.000 đồng.

- Lò Văn X có 120.000 đồng. X sử dụng T bộ số tiền 120.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ X đang thắng bạc số tiền 10.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của X 130.000 đồng.

- Quàng Văn N1 có 160.000 đồng. N1 sử dụng T bộ số tiền 160.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ N1 đang thắng bạc số tiền 10.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của N1 170.000 đồng.

- Lường Văn C1 có 290.000 đồng. C1 sử dụng T bộ số tiền 290.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ C1 đang thua bạc số tiền 30.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của C1 260.000 đồng.

- Quàng Văn T có 400.000 đồng, T2 sử dụng T bộ số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ T2 đang thắng bạc số tiền 60.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của T2 460.000 đồng.

- Quàng Văn Chấn có 140.000 đồng, Chấn sử dụng T bộ số tiền 140.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Chấn đang thua bạc số tiền 140.000 đồng nên khi bị bắt giữ không thu được tiền của Chấn.

- Quàng Văn P mang từ chiếu bạc thứ N1 110.000 đồng, P sử dụng T bộ số tiền 110.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ P đang thắng bạc số tiền 70.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của P 180.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSTC, ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại P toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh đã nêu ở trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 8 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T1 từ 8 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Quàng Văn N, Lường Văn C mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi mỗi bị cáo 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lường Văn C từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam

giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N cho UBND xã C, huyện Thuận Châu có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lường Văn C cho UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Quàng Văn P từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lường Văn C từ 06 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Quàng Văn P, Lường Văn C cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P được quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 6 đến 9 tháng tù. Khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn T được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí chiếu bạc thứ N1 đã qua sử dụng cũ; Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí chiếu bạc thứ hai đã qua sử dụng cũ;

- Tuyên trả lại cho anh Lò Văn H: Một chiếc chiếu nhựa màu đỏ, đen, vàng kích thước 4,05 x 1,8m đã qua sử dụng cũ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 6.210.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng).

- Tuyên trả lại cho Công an huyện Thuận Châu số tiền: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P.

Các bị cáo đều N1 trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đều xin cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội và xin miễn khấu trừ thu nhập, xin miễn hình phạt bổ sung, xin miễn án phí. Bị cáo Lò Văn T xin giảm nhẹ hình phạt chính là phạt tù, xin miễn hình phạt bổ sung, xin miễn án phí.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn H: Đối với chiếc chiếc chiếu nhựa màu đỏ, đen, vàng kích thước 4,05 x 1,8m đã qua sử dụng cũ là của gia đình tôi. Việc các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội tôi không biết nên tôi đề nghị xin lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại P tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P: Ngày 27/11/2023 tại bản H, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P bị bắt quả tang về hành vi đánh bằng hình thức chơi Liêng sát phạt nhau bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng vào việc Đánh bạc là: 6.140.000 đồng.

Xét hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật bởi: Các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi Liêng sát phạt nhau bằng tiền tại nhà anh Lò Văn H với mục đích tư lợi cá nhân, bị pháp luật nghiêm cấm. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn T N1 trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của các bị cáo phù hợp với: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra, biên bản phạm tội quả tang ngày 27/11/2023, Quyết định trưng cầu giám định, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo biết đánh bạc là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, mặc dù số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tài sản của công dân, trật tự an T xã hội mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N,

Lường Văn C, Quàng Văn P đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đều là nông dân lao động, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, trình độ hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, đều là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Quàng Văn T, Quàng Văn N, Lường Văn C, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Quàng Văn P, Lường Văn C, Quàng Văn T1, không có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú.

Về vị trí vai trò của các đồng phạm: Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong tội đánh bạc, Quàng Văn T là người khởi xướng, rủ rê, bị cáo Lò Văn T là người chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo không có sự tổ chức, phân công, câu kết chặt chẽ, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là những người đồng phạm cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để cá thể hóa mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đều có đơn xin được hưởng án phạt cải tạo không giam giữ có bảo lãnh của gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng: Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần cách ly ra ngoài xã hội bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án mức án cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T xã hội, cho các bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói C, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục, cải tạo và các bị cáo phải chịu sự giám sát cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, gia đình. Các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C,

Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 là 9 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian bắt, tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với bị cáo Lò Văn T đã bị kết án, chưa được xóa án tích cần xử hình phạt tù có thời hạn nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói C. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023.

[6] Các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do các bị cáo được Tòa án tuyên hình phạt chính là cải tạo không giam giữ cho nên mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phải được hủy bỏ do vậy Hội đồng xét xử Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đảm bảo đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Bị cáo Lò Văn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do bị cáo bị Tòa án tuyên hình phạt chính là phạt tù do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục ra Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lò Văn T cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, xét thấy: Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đều là người dân tộc thiểu số, đều có điều kiện kinh tế khó khăn, đều là lao động chính nuôi sống gia đình, thu nhập thấp chủ yếu từ nông nghiệp, không có tài sản, không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn T.

[9] Đối với anh Lò Văn H là chủ nhà nơi các đối tượng tham gia đánh bạc. Quá trình điều tra xác định được anh Hoàng không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng của hai chiếu bạc do bận việc nên anh Hoàng không biết việc các đối tượng tổ chức đánh bạc tại nhà mình nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Lò Văn H về tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Lò Văn H về tội Không tố giác tội phạm, quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Đối với ông Quàng Văn S, anh Lò Văn X, anh Quàng Văn N1, anh Lường Văn C1, anh Quàng Văn T, ông Quàng Văn C là những đối tượng chơi Liêng sát phạt nhau bằng tiền tại chiếu bạc thứ hai. Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.320.000 đồng (*dưới 5.000.000 đồng*), các đối tượng trên chưa bị kết án hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi gá bạc chưa được xóa án tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên về tội Đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1Điều 321 Bộ luật hình sự và ra Quyết định xử phạt hành chính đối với những đối tượng trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Về vật chứng: Đối với hai bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài qua sử dụng cũ; 23 vỏ phong bì đã bóc mở niêm phong vật chứng ban đầu ban đầu là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; Đối với một chiếc chiếu nhựa, màu đỏ, đen, vàng kích thước 4,05 x 1,8m đã qua sử dụng, xét thấy đây là tài sản của anh Lò Văn H, tại P tòa anh Hoàng có yêu cầu lấy lại chiếc chiếu này cần chấp nhận cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu là anh Lò Văn H.

Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 6.210.000 đồng là tiền các bị cáo Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.140.000 đồng là tiền những đối tượng ông Quàng Văn S, anh Lò Văn X, anh Quàng Văn N1, anh Lường Văn C1, anh Quàng Văn T, ông Quàng Văn C dùng vào việc vi phạm pháp luật đã bị ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cần trả lại Công an huyện Thuận Châu xử lý theo quy định của pháp luật căn cứ vào Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020).

(Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự).

[12] Về án phí: Các bị cáo Quàng Văn T, Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Quàng Văn P là hộ nghèo, các bị cáo Quàng Văn T, Lường Văn C, Cà Văn H là hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T, Quàng Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P phạm tội: Đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T1 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn N 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N cho UBND xã C, huyện Thuận Châu có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Cà Văn H 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Cà Văn H 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lường Văn C 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án

phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lường Văn C cho UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Quàng Văn P 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lường Văn C 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 9 (Chín) ngày bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023 bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Quàng Văn P, Lường Văn C cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn C, Quàng Văn P có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P được quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/12/2023. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn T được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ vào Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Một phong bì niêm phong, có viền màu xanh đỏ, mặt trước ghi: Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí trên chiếu bạc thứ N1. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 025899 đè lên các mép dán của phong bì, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên, điểm chỉ của người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

+ Một phong bì niêm phong, có viền màu xanh đỏ, mặt trước ghi: Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài tạm giữ tại vị trí trên chiếu bạc thứ hai. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 025900 đè lên các mép dán của phong bì, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên, điểm chỉ của người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

+ Một phong bì màu trắng của Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La niêm phong, mặt trước ghi: Vật chứng nhập kho vụ Lò Văn T cùng đồng phạm - Đánh bạc, bắt ngày 27/11/2023. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 025942 đè lên các mép dán của phong bì và trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, chữ ký, họ tên, điểm chỉ của người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, tại các mép trái, phải của phong bì dán băng dính màu trắng. Bên trong có: 23 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

- Tuyên trả lại cho anh Lò Văn H: Một chiếc chiếu nhựa màu đỏ - đen - vàng, kích thước 4,05m x 1,8 m, đã qua sử dụng cũ (nơi các đối tượng ngồi đánh bạc).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 6.210.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng).

- Tuyên trả lại cho Công an huyện Thuận Châu số tiền: 1.140.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Số tiền trên được đựng trong một hòm tôn màu trắng có kích thước 19cm x 14cm x 9cm và đóng nắp khóa hòm bằng khóa sắt màu vàng, nhãn hiệu VIỆT NHẬT. Sau đó dùng giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La có các số seri: 026508, 026509 dán chéo qua các mép, trên mặt giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 24/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Lò Văn T, Cà Văn H, Cà Văn H, Lường Văn C, Quàng Văn T, Quàng Văn T1, Quàng Văn N, Lường Văn C, Quàng Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lò Văn H được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện Thuận Châu;
- UBND xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA

Lường Tiến Hải